

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là
Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 40

0300
ER
0A1

Công ty Cổ phần Vicostone [tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 vào ngày 7 tháng 8 năm 2017. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 4 năm 2017, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS thành Công ty Cổ phần Vicostone.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hồ Xuân Năng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Thành viên
Bà Nghiêm Thị Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Diệu Thúy Ngọc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Xuân Mẫn	Trưởng Ban kiểm soát	
Bà Trần Lan Phương	Thành viên	
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 5 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Trí Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lưu Công An	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Chí Công	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 2 tháng 8 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hồ Xuân Năng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Phạm Anh Tuấn được ông Hồ Xuân Năng ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo Giấy Ủy quyền số 171/2017/UQ-Vicostone ngày 25 tháng 4 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vicostone [tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty"), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 60999244/19317793

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vicostone

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, được lập ngày 26 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.291.343.374.668	2.729.081.767.293
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	656.279.062.859	433.971.607.316
111	1. Tiền		131.779.062.859	204.816.602.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		524.500.000.000	229.155.005.028
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		30.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	30.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		951.290.523.619	699.403.325.617
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	906.612.938.608	685.811.581.102
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		42.045.333.801	11.942.373.761
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		50.129.329	50.129.329
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		3.487.430.653	2.356.286.894
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(905.308.772)	(757.045.469)
140	IV. Hàng tồn kho	7	1.513.931.435.283	1.458.170.374.347
141	1. Hàng tồn kho		1.525.067.072.548	1.478.805.743.829
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(11.135.637.265)	(20.635.369.482)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		139.842.352.907	137.536.460.013
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.611.134.018	3.120.538.968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		96.848.824.774	134.415.921.045
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	41.382.394.115	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		518.411.252.031	589.202.341.970
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		483.762.757.473	548.377.023.352
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	470.008.133.033	533.661.513.018
222	Nguyên giá		1.179.779.154.597	1.178.284.256.783
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(709.771.021.564)	(644.622.743.765)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	13.754.624.440	14.715.510.334
228	Nguyên giá		27.088.415.497	25.593.215.497
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(13.333.791.057)	(10.877.705.163)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		20.669.627.555	4.674.389.078
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	20.669.627.555	4.674.389.078
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		-	20.431.293.600
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	20.431.293.600
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.948.867.003	15.689.635.940
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	13.948.867.003	15.689.635.940
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.809.754.626.699	3.318.284.109.263

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.413.864.163.277	1.881.645.254.148
310	I. Nợ ngắn hạn		1.413.416.219.225	1.705.038.359.773
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	431.409.986.668	540.689.538.667
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.093.786.275	9.432.855.894
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.011.270.925	50.907.565.233
314	4. Phải trả người lao động		3.771.949.853	2.817.678.011
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		531.594.464	536.697.775
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	955.024.601.355	1.083.352.550.815
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	14.573.029.685	17.301.473.378
330	II. Nợ dài hạn		447.944.052	176.606.894.375
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	-	176.047.133.246
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		447.944.052	559.761.129
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.395.890.463.422	1.436.638.855.115
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	2.395.890.463.422	1.436.638.855.115
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		800.000.000.000	600.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		800.000.000.000	600.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		60.800.000	60.800.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		88.958.137.122	61.780.736.819
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.506.871.526.300	774.797.318.296
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		534.648.902.854	300.366.099.878
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		972.222.623.446	474.431.218.418
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.809.754.626.699	3.318.284.109.263

Đang

Nguyễn Thị Nga



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga

Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	18.1	4.352.524.092.876	3.236.573.462.624
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	-	475.068.024
10	3. Doanh thu thuần (10 = 01-02)	18.1	4.352.524.092.876	3.236.098.394.600
11	4. Giá vốn hàng bán	19	3.085.309.497.515	2.235.528.836.434
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)		1.267.214.595.361	1.000.569.558.166
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	54.377.404.040	25.934.028.466
22	7. Chi phí tài chính	20	48.814.490.753	70.953.282.040
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		40.596.080.433	50.242.971.449
25	8. Chi phí bán hàng	21	95.648.232.925	76.843.762.966
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	52.199.633.236	59.392.068.796
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}		1.124.929.642.487	819.314.472.830
31	11. Thu nhập khác		1.178.903.601	869.766.648
32	12. Chi phí khác		1.096.988.069	1.140.985.779
40	13. Lãi/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)		81.915.532	(271.219.131)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		1.125.011.558.019	819.043.253.699
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	3.233.701.436	139.608.246.117
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)		1.121.777.856.583	679.435.007.582
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	13.461	8.153
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26	13.461	8.153



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		1.125.011.558.019	819.043.253.699
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		69.515.393.902	67.435.699.472
03	Các khoản dự phòng		(9.351.468.914)	(16.578.241.215)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.542.157.433)	13.424.918.995
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(32.427.146.147)	(8.636.982.094)
06	Chi phí lãi vay	20	40.596.080.433	50.242.971.449
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.190.802.259.860	924.931.620.306
09	(Tăng) các khoản phải thu		(253.598.141.064)	(233.526.888.855)
10	(Tăng) hàng tồn kho		(46.261.328.719)	(47.657.999.088)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(12.968.875.438)	347.417.788.210
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.250.173.887	(992.401.221)
14	Tiền lãi vay đã trả		(40.596.080.433)	(50.242.971.449)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(88.050.389.739)	(120.588.242.688)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(45.254.691.969)	(29.228.660.947)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		707.322.926.385	790.112.244.268
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(83.893.283.198)	(138.167.466.331)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		110.000.000	-
23	Tiền chi cho vay		(32.200.000.000)	(310.082.483)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		2.200.000.000	6.314.483.816
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		40.487.040.000	9.095.756.852
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.271.399.748	8.798.972.010
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(61.024.843.450)	(114.268.336.136)

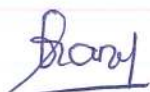
Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.651.455.987.647	1.568.640.501.271
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.956.498.149.142)	(1.829.927.542.985)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(120.012.199.500)	(275.186.472.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(425.054.360.995)	(536.473.514.414)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		221.243.721.940	139.370.393.718
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		433.971.607.316	295.042.603.585
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.063.733.603	(441.389.987)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	656.279.062.859	433.971.607.316



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga




Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”), tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0500469512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 2 tháng 6 năm 2005 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 17 vào ngày 7 tháng 8 năm 2017. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 vào ngày 19 tháng 4 năm 2017, Công ty được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS thành Công ty Cổ phần Vicostone.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 640 (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 614 nhân viên).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Sổ nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	5 - 12 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí khác.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Khu công nghiệp Bắc Phú Cát vào ngày 30 tháng 5 năm 2008 trong thời hạn 48 năm 7 tháng 19 ngày. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập để phục vụ việc nghiên cứu, thử nghiệm các nguyên vật liệu, hóa chất mới phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng và bất động sản

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa/bất động sản đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa/bất động sản.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh. Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	502.612.218	368.026.848
Tiền gửi ngân hàng	131.276.450.641	204.448.575.440
Các khoản tương đương tiền	524.500.000.000	229.155.005.028
TỔNG CỘNG	656.279.062.859	433.971.607.316

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại ngân hàng, có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5% – 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 4,5% – 5,5%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoản tiền gửi bằng VND, có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long, hưởng lãi suất là 6,3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	586.204.055.465	411.153.198.863
- Công ty Pental Granite & Marble	233.990.119.790	167.091.883.482
- Công ty Australian Stone Design Marble Work	195.066.593.236	145.034.272.586
- Công ty Vicostone Canada Inc	105.538.605.101	66.921.104.087
- Các khoản phải thu khách hàng khác	51.608.737.338	32.105.938.708
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	320.408.883.143	274.658.382.239
TỔNG CỘNG	906.612.938.608	685.811.581.102
Dự phòng phải thu ngắn hạn từ khách hàng	(905.308.772)	(757.045.469)

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	56.557.798.286	-	26.704.251.421	-
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	105.223.708.093	-	110.092.084.679	-
Công cụ, dụng cụ	43.829.087.955	-	27.377.003.498	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.146.742.719	-	42.920.615.379	-
Bất động sản để bán đang xây dựng	-	-	275.356.571.531	-
Thành phẩm	344.190.041.140	(11.135.637.265)	315.192.843.718	(20.635.369.482)
Hàng hóa	943.119.694.355	-	681.162.373.603	-
TỔNG CỘNG	1.525.067.072.548	(11.135.637.265)	1.478.805.743.829	(20.635.369.482)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(20.635.369.482)	(33.757.598.014)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	9.499.732.217	13.122.228.532
Số cuối năm (*)	(11.135.637.265)	(20.635.369.482)

(*) Đây là các khoản dự phòng được trích lập cho một số sản phẩm đá Breston. Các sản phẩm này, theo đánh giá của Phòng Vật tư, Phòng Quản lý Chất lượng và Ban Kinh doanh của Công ty, có chất lượng bị giảm sút, lỗi thời và không đáp ứng được yêu cầu bán hàng và thị hiếu của người tiêu dùng.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	156.502.943.525	974.908.464.454	27.838.870.233	13.483.580.475	5.550.398.096	1.178.284.256.783
- Mua trong năm	-	2.587.643.878	861.828.942	68.272.280	-	3.517.745.100
- Thanh lý trong năm	-	-	(2.022.847.286)	-	-	(2.022.847.286)
Số cuối năm	156.502.943.525	977.496.108.332	26.677.851.889	13.551.852.755	5.550.398.096	1.179.779.154.597
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	47.404.539.925	270.270.193.746	12.594.270.158	2.573.376.508	5.550.398.096	338.392.778.433
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	86.240.913.599	524.855.620.340	19.611.690.074	8.364.121.656	5.550.398.096	644.622.743.765
- Khấu hao trong năm	8.503.103.700	54.656.912.558	2.080.993.729	1.930.115.098	-	67.171.125.085
- Thanh lý trong năm	-	-	(2.022.847.286)	-	-	(2.022.847.286)
Số cuối năm	94.744.017.299	579.512.532.898	19.669.836.517	10.294.236.754	5.550.398.096	709.771.021.564
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	70.262.029.926	450.052.844.114	8.227.180.159	5.119.458.819	-	533.661.513.018
Số cuối năm	61.758.926.226	397.983.575.434	7.008.015.372	3.257.616.001	-	470.008.133.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	25.555.215.497	38.000.000	25.593.215.497
- Mua trong năm	1.495.200.000	-	1.495.200.000
Số cuối năm	<u>27.050.415.497</u>	<u>38.000.000</u>	<u>27.088.415.497</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.300.827.400	38.000.000	1.338.827.400
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	10.839.705.163	38.000.000	10.877.705.163
- Hao mòn trong năm	2.456.085.894	-	2.456.085.894
Số cuối năm	<u>13.295.791.057</u>	<u>38.000.000</u>	<u>13.333.791.057</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	14.715.510.334	-	14.715.510.334
Số cuối năm	<u>13.754.624.440</u>	<u>-</u>	<u>13.754.624.440</u>

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Xây dựng cơ bản dở dang	19.081.401.704	4.246.154.512
Mua sắm	1.588.225.851	428.234.566
TỔNG CỘNG	<u>20.669.627.555</u>	<u>4.674.389.078</u>

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thuê đất trả trước (*)	6.936.993.127	7.211.725.528
Công cụ, dụng cụ	2.523.846.756	2.174.060.957
Chi phí sửa chữa TSCĐ	1.275.170.015	1.547.608.434
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.212.857.105	4.756.241.021
TỔNG CỘNG	<u>13.948.867.003</u>	<u>15.689.635.940</u>

(*) Đây là khoản thanh toán lần 2 tiền thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng giá trị hợp đồng và thông tin cụ thể được trình bày cụ thể ở Thuyết minh số 27.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả người bán ngắn hạn				
- SHCP Pte, Ltd.	93.652.537.500	93.652.537.500	-	-
- Eternal Materials Co., Ltd.	60.847.424.000	60.847.424.000	80.020.248.000	80.020.248.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	151.422.979.862	151.422.979.862	108.316.406.534	108.316.406.534
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	125.487.045.306	125.487.045.306	352.352.884.133	352.352.884.133
TỔNG CỘNG	431.409.986.668	431.409.986.668	540.689.538.667	540.689.538.667
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	43.434.294.188	3.233.701.436	(88.050.389.739)	(41.382.394.115)
Thuế xuất, nhập khẩu	4.968.504.464	4.816.491.112	(9.719.208.015)	65.787.561
Thuế thu nhập cá nhân	2.504.766.581	6.270.790.922	(7.830.074.139)	945.483.364
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	66.537.127.114	(66.537.127.114)	-
TỔNG CỘNG	50.907.565.233	122.240.504.699	(172.136.799.007)	(40.371.123.190)
<i>Trong đó:</i>				
Thuế phải nộp	50.907.565.233			1.011.270.925
Thuế phải thu	-			(41.382.394.115)

(*) Xem thêm thuyết minh 23.1 về số thuế TNDN phải nộp trong năm.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Giảm		Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị	Tăng	Giá trị	Giảm	Giá trị		
Vay ngắn hạn	1.083.352.550.815	1.679.497.987.647	(1.807.825.937.107)	955.024.601.355	955.024.601.355		
Vay dài hạn	176.047.133.246	-	(176.047.133.246)	-	-		
TỔNG CỘNG	1.259.399.684.061	1.679.497.987.647	(1.983.873.070.353)	955.024.601.355	955.024.601.355		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Kỳ hạn trả gốc và lãi
	VND	Nguyên tệ (USD)	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công	187.137.227.590	8.227.620	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	162.652.615.159	7.151.137	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 7 năm 2018
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	136.511.251.722	5.997.858	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018
Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Thiên Long	131.698.799.773	5.790.231	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 9 năm 2018
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thạch Thất	127.514.036.839	5.606.245	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018
Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Sở giao dịch	88.495.604.976	3.888.208	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 2 năm 2018 tới tháng 8 năm 2018
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Thành	53.404.890.000	2.348.500	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả trong tháng 1 năm 2018 đến tháng 8 năm 2018
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Láng Hòa Lạc	43.307.334.757	1.904.038	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 5 năm 2018
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở chính	23.526.667.414	1.033.685	Lãi phải trả hàng tháng, gốc phải trả từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 2 năm 2018
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	776.173.125	34.125	Lãi phải trả hàng tháng, hạn trả nợ gốc là tháng 5 năm 2018
TỔNG CỘNG	955.024.601.355	41.981.647	

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	17.301.473.378	10.847.183.801
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 16.1)	42.526.248.276	35.682.950.524
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(45.254.691.969)</u>	<u>(29.228.660.947)</u>
Số cuối năm	<u>14.573.029.685</u>	<u>17.301.473.378</u>

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số đầu năm	529.992.510.000	322.060.800.000	(369.627.974.515)	86.528.858.029	414.730.008.543	983.684.202.057	
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(322.000.000.000)	369.627.974.515	(47.627.974.515)	-	-	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	22.879.853.305	(22.879.853.305)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(35.682.950.524)	(35.682.950.524)	
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	70.007.490.000	-	-	-	(70.007.490.000)	-	
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(190.797.404.000)	(190.797.404.000)	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	679.435.007.582	679.435.007.582	
Số cuối năm	600.000.000.000	60.800.000	-	61.780.736.819	774.797.318.296	1.436.638.855.115	
Năm nay							
Số đầu năm	600.000.000.000	60.800.000	-	61.780.736.819	774.797.318.296	1.436.638.855.115	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	27.177.400.303	(27.177.400.303)	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(42.526.248.276)	(42.526.248.276)	
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	200.000.000.000	-	-	-	(200.000.000.000)	-	
- Tạm chia cổ tức năm 2017 (*)	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(120.000.000.000)	
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.121.777.856.583	1.121.777.856.583	
Số cuối năm	800.000.000.000	60.800.000	-	88.958.137.122	1.506.871.526.300	2.395.890.463.422	

(*) Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 và 2017, trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2016, tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 được thực hiện theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/VCS-DHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty được ban hành trong năm.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	%	Tổng số (VND)	Cổ phiếu phổ thông	%
Vốn góp cổ đông	800.000.000.000	80.000.000	100,00	600.000.000.000	60.000.000	100,00
- Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	640.000.000.000	64.000.000	80,00	434.933.430.000	43.493.343	72,49
- Vốn góp của các đối tượng khác	160.000.000.000	16.000.000	20,00	165.066.570.000	16.506.657	27,51
Thặng dư vốn cổ phần	60.800.000	-	-	60.800.000	-	-
TỔNG CỘNG	800.060.800.000	80.000.000	100,00	600.060.800.000	60.000.000	100,00

16.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm	320.000.000.000	260.804.894.000
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	320.000.000.000	260.804.894.000
Tạm chia cổ tức cho năm 2017 (2.000 VND/cổ phiếu)	120.000.000.000	-
Trả cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 20.000.000/60.000.000 mệnh giá/cổ phiếu)	200.000.000.000	-
Tạm chia cho năm 2016 (4.000VND /cổ phiếu)	-	190.797.404.000
Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu (tỷ lệ phát hành 7.000.749/52.999.251 mệnh giá/cổ phiếu)	-	70.007.490.000
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	160.000.000.000	-
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông (2.000VND /cổ phiếu)	160.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.4 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i> <i>Số lượng</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Số lượng</i>
Cổ phiếu đã đăng ký phát hành	80.000.000	60.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	80.000.000	60.000.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>80.000.000</i>	<i>60.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	80.000.000	60.000.000
Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	60.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000/cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2016: VND 10.000/cổ phiếu).

17. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	2.163.103	6.752.934
- Euro (EUR)	421.691	1.090.643
- Đô la Canada (CAD)	2.890.692	-

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. DOANH THU

18.1 Doanh thu bán hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	4.352.524.092.876	3.236.573.462.624
Doanh thu bán hàng	4.074.619.913.299	3.236.573.462.624
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	277.904.179.577	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(475.068.024)
Giảm giá hàng bán	-	(475.068.024)
Doanh thu thuần	4.352.524.092.876	3.236.098.394.600

18.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	20.055.746.400	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	22.050.257.892	17.297.046.372
Lãi tiền gửi	12.271.399.748	5.365.302.094
Cổ tức được chia	-	3.271.680.000
TỔNG CỘNG	54.377.404.040	25.934.028.466

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.198.573.059.545	1.759.207.627.012
Giá vốn của nguyên vật liệu, phụ tùng đã bán	640.433.817.748	500.557.113.682
Giá vốn bất động sản chuyển nhượng	277.904.179.577	-
Thuế nhập khẩu được hoàn	(19.436.473.292)	(13.137.477.303)
Sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.499.732.217)	(10.776.200.411)
Giá vốn khác	(2.665.353.846)	(322.226.546)
TỔNG CỘNG	3.085.309.497.515	2.235.528.836.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	40.596.080.433	50.242.971.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.156.543.240	20.710.310.591
Chi phí tài chính khác	61.867.080	-
TỔNG CỘNG	48.814.490.753	70.953.282.040

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí vận chuyển xếp dỡ	66.361.469.288	53.908.449.538
- Chi phí đóng hàng	8.311.680.933	6.771.598.645
- Chi phí bán hàng khác	20.975.082.704	16.163.714.783
TỔNG CỘNG	95.648.232.925	76.843.762.966
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí lương quản lý	23.122.103.509	23.919.578.005
- Chi phí khấu hao	8.455.641.887	8.188.359.761
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.621.887.840	27.284.131.030
TỔNG CỘNG	52.199.633.236	59.392.068.796

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	2.705.328.421.952	1.953.554.863.404
Chi phí chuyển nhượng bất động sản	277.904.179.577	-
Chi phí nhân công	84.860.973.789	81.348.818.257
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	69.515.393.902	67.435.699.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.245.762.064	96.740.007.751
Chi phí khác	17.376.448.211	17.577.134.122
TỔNG CỘNG	3.261.231.179.495	2.216.656.523.006

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") như sau:

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 1 là dự án đầu tư ban đầu:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 15% lợi nhuận chịu thuế trong 12 năm bắt đầu từ khi Công ty đi vào hoạt động từ năm 2005 đến năm 2016, và 20% lợi nhuận chịu thuế trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006 đến năm 2008) và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế TNDN áp dụng cho hoạt động này trong năm là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Đối với hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 là dự án đầu tư mở rộng:

Dự án đầu tư vào nhà máy 2 của Công ty thỏa mãn điều kiện là dự án đầu tư mở rộng theo Thông tư 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 96"). Theo đó, Công ty áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn, cụ thể là miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo. Nhà máy 2 có lợi nhuận chịu thuế từ năm 2014. Tuy nhiên, Thông tư 96 chỉ áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015, do đó, thời gian miễn thuế của Công ty được tính từ năm 2015 đến năm 2017 và Công ty được giảm 50% thuế suất thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Do đó, thu nhập từ hoạt động bán sản phẩm của Nhà máy 2 của Công ty cho năm hiện tại được miễn thuế TNDN.

Đối với hoạt động thương mại:

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập từ hoạt động này là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	112.471.382.572	139.608.246.117
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa các năm trước (*)	(109.237.681.136)	-
TỔNG CỘNG	3.233.701.436	139.608.246.117

(*) Trong các năm 2015 và 2016, Công ty đã áp dụng thuế suất thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động bán sản phẩm của nhà máy 2 theo mức thuế suất thông thường là 20%. Như đã trình bày ở trên và dựa trên hướng dẫn của Thông tư 96, Công ty xác định đủ điều kiện để được miễn thuế TNDN đối với thu nhập chịu thuế từ nhà máy 2 trong các năm 2015 và 2016 và đã điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN của Công ty trong các năm này với tổng số tiền là 109.237.681.136 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.125.011.558.019	819.043.253.699
Thuế TNDN theo mức thuế suất áp dụng cho Công ty	225.002.311.604	138.810.886.409
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt hành chính	1.206.231	211.732.922
Các khoản chi phí không được khấu trừ	105.491.909	515.294.358
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện đánh giá lại cuối năm các khoản tiền, phải thu	-	81.908.814
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong kỳ này	(88.277.997)	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	(112.549.349.175)	(11.576.386)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(109.237.681.136)	-
Chi phí thuế TNDN	3.233.701.436	139.608.246.117

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm mà Công ty xuất hàng bán.

Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo địa điểm địa lý nơi Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một thị trường kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Công ty Cổ phần Vicostone
[tên trước đây là Công ty Cổ phần Đá thạch anh cao cấp VCS]

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

24.1 Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên các khu vực địa lý khác nhau chủ yếu bao gồm sản xuất và kinh doanh đá ốp lát nhân tạo gốc thạch anh, chuyển nhượng bất động sản. Thông tin về doanh thu và một số tài sản của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động kinh doanh trong nước	Hoạt động kinh doanh xuất khẩu	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	1.195.757.526.414	3.156.766.566.462	4.352.524.092.876
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	1.195.757.526.414	3.156.766.566.462	4.352.524.092.876
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	134.438.202.433	1.118.634.579.440	1.253.072.781.873
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(14.141.813.488)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	1.267.214.595.361
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(142.203.037.342)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	1.125.011.558.019
Chi phí thuế TNDN	-	-	(3.233.701.436)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	1.121.777.856.583
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	98.903.181.595	806.804.448.241	905.707.629.836
Tài sản không phân bổ	-	-	2.904.046.996.863
Tổng tài sản	-	-	3.809.754.626.699
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.413.864.163.277
Tổng nợ phải trả	-	-	1.413.864.163.277
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	5.012.945.100
Khấu hao	-	-	69.627.210.979
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu			
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	664.661.568.871	2.571.911.893.753	3.236.573.462.624
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu	664.661.568.871	2.571.911.893.753	3.236.573.462.624
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	61.452.259.756	911.944.260.278	973.396.520.034
Giá vốn hàng bán không phân bổ	-	-	(27.173.038.132)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	-	-	1.000.569.558.166
Thu nhập, chi phí không phân bổ	-	-	(181.526.304.467)
Lợi nhuận thuần trước thuế	-	-	819.043.253.699
Chi phí thuế TNDN	-	-	(139.608.246.117)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	679.435.007.582
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản bộ phận	49.240.242.967	635.814.292.666	685.054.535.633
Tài sản không phân bổ	-	-	2.633.229.573.630
Tổng tài sản	-	-	3.318.284.109.263
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.881.645.254.148
Tổng nợ phải trả	-	-	1.881.645.254.148
Các thông tin bộ phận khác			
Chi phí hình thành tài sản cố định	-	-	18.700.022.729
Khấu hao	-	-	67.588.776.716

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

24.1 Bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Các khoản giá vốn hàng bán không phân bổ chủ yếu bao gồm hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho và một số giá vốn khác không phân bổ được theo khu vực địa lý.

Các khoản thu nhập và chi phí ngoài giá vốn hàng bán, các tài sản ngoài nợ phải thu khách hàng và dự phòng phải thu tương ứng và các khoản nợ phải trả, do không tách riêng được mục đích cho từng hoạt động mà không phân bổ theo khu vực địa lý.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Phượng Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	756.383.493.613	363.715.759.080
		Bán nguyên vật liệu, vật tư	338.429.222.103	257.351.324.796
		Chuyển nhượng bất động sản	277.904.179.577	-
		Chia cổ tức	91.986.686.000	138.311.796.000
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa	736.866.689.064	799.836.029.300
		Bán nguyên vật liệu, vật tư, thành phẩm	318.339.938.228	241.370.751.541
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Bán đá thành phẩm, vật tư	515.991.134.652	365.242.168.280
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 5 năm 2017)	Mua vật tư, thành phẩm	170.631.123.642	126.384.696.319
		Bán đá thành phẩm, vật tư	136.934.436.287	148.872.494.758

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty cùng chủ sở hữu (từ ngày 28 tháng 9 năm 2017)	Bán đá thành phẩm	55.237.585.536	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Chuyển tiền thi công	22.164.815.001	39.593.098.557
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Mua hàng hóa, văn phòng phẩm Thuê mặt bằng Bán đá thành phẩm	2.966.142.532 1.798.163.526 306.730.809	- 667.967.400 3.692.544.110
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Công nghệ Sitetech Toàn cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Thanh toán tiền dịch vụ tư vấn thiết kế	221.845.837	144.299.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Công ty cùng chủ sở hữu	Bán đá thành phẩm	1.076.552.343	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua/bán hàng, bất động sản, dịch vụ với các bên liên quan theo mức giá bán thỏa thuận với các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Các khoản phải thu từ bên liên quan như được trình bày ở Thuyết minh số 6 có thời hạn thanh toán từ 3 đến 12 tháng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm tài chính thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Stylenquaza	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán đá thành phẩm	237.703.684.130	238.555.698.877
Công ty Cổ phần Chế tác đá Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 18 tháng 5 năm 2017)	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	18.025.132.459	36.102.683.362
Công ty Cổ phần Công nghiệp Trần Long	Công ty cùng chủ sở hữu (từ ngày 28 tháng 9 năm 2017)	Phải thu về bán vật tư, thành phẩm	63.495.858.977	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Chế biến khoáng sản Phenikaa Huế	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải thu về bán thành phẩm	1.184.207.577	-
			320.408.883.143	274.658.382.239
Trả trước cho các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng tiền thi công xây dựng	1.195.967.453	3.835.458.643
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitetech Toàn cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Tạm ứng phí dịch vụ	-	52.257.000
			1.195.967.453	3.887.715.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 12)</i>				
Công ty Cổ phần Style Stone	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	83.643.900.069	157.052.363.211
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Công ty mẹ	Phải trả tiền mua đá thành phẩm	40.920.714.433	177.403.232.944
Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án VPM Hà Nội	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền thi công xây dựng	46.577.742	17.775.815.779
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và công nghệ Sitetech Toàn Cầu	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả về tư vấn thiết kế	72.720.000	97.899.089
Công ty Cổ phần Trung tâm Sec G3	Công ty cùng chủ sở hữu	Phải trả tiền văn phòng phẩm, vật tư	803.133.062	23.573.110
			125.487.045.306	352.352.884.133

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	12.016.367.526	10.486.535.567
TỔNG CỘNG	12.016.367.526	10.486.535.567

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.121.777.856.583	679.435.007.582
Trích quỹ khen, thưởng phúc lợi (*)	<u>(44.871.114.263)</u>	<u>(27.177.400.303)</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>1.076.906.742.320</u>	<u>652.257.607.279</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	<u>80.000.000</u>	<u>80.000.000</u>
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản</i>	13.461	8.153
- <i>Lãi suy giảm</i>	13.461	8.153

(*) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã sử dụng số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến được trích lập để xác định lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017.

(**) Công ty cũng đã thực hiện điều chỉnh lại số bình quân gia quyền của cổ phiếu (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của việc phát hành bổ sung cổ phiếu thưởng trong năm tài chính 2017.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	226.210.950	226.210.950
Trên 1 – 5 năm	904.843.800	904.843.800
Trên 5 năm	2.035.898.550	2.262.109.500
TỔNG CỘNG	3.166.953.300	3.393.164.250

Ngoài ra, Công ty đang thuê 27.451 m² đất tại Lô 2A, Khu công nghiệp Bắc Phú Cát theo hợp đồng thuê hoạt động số 10/VC/HĐKT-TLĐKCNBPC ngày 30 tháng 5 năm 2008 với thời hạn thuê là 48 năm 7 tháng 19 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng phí thuê đất và sử dụng hạ tầng là 14.686.208.747 đồng Việt Nam (đã bao gồm thuế GTGT 10%) và phí quản lý 3.500 đồng Việt Nam/m²/năm. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty còn phải thanh toán tiền thuê đất với số tiền là 4.343.104.373 đồng Việt Nam khi Công ty hoàn tất các thủ tục nhận và bàn giao đất.

Cam kết mua máy móc thiết bị

Vào ngày 8 tháng 5 năm 2017, Công ty đã ký kết hợp đồng NR.VN-85/17 với Công ty Breton S.P.A liên quan đến việc mua dây chuyền mài bóng phục vụ hoạt động sản xuất. Theo đó, giá trị hợp đồng là 4,9 triệu Euro (tương đương 111,45 tỷ đồng Việt Nam). Trong năm, Công ty đã tạm ứng cho công ty Breton S.P.A với số tiền 1,23 triệu Euro (tương đương 31,48 tỷ đồng Việt Nam) và theo đó, Công ty còn phải thanh toán số tiền 3,67 triệu Euro (tương đương 79,97 tỷ đồng Việt Nam) sau khi nhận bảo giao và nghiệm thu máy móc, thiết bị.

Kiến tụng

Trong tháng 5 năm 2013, Công ty đã nhận được đơn kiện của Công ty TNHH Cambria ("Cambria"), một công ty được thành lập tại Mỹ, về việc Công ty đã vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ khi bán một số sản phẩm của Công ty tại thị trường Mỹ. Vụ kiện này đang được Tòa án Quận của tiểu bang Minnesota thụ lý giải quyết.

Công ty đã chỉ định Sapientia Law Group PLLC là đại diện của Công ty trong vụ kiện này. Vào ngày 6 tháng 11 năm 2013, tòa án Quận Minnesota đã ra quyết định tạm dừng xử lý vụ kiện. Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng, hiện tại, chưa có đầy đủ cơ sở để trích lập dự phòng cho các khoản chi phí bồi thường, nếu có, cho vụ kiện này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày lập báo cáo tài chính này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ/VCS-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 0201/2018 BB/VCS-HĐQT ngày 2 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định và thông qua việc tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 2 năm 2017 với tỷ lệ là 20%/cổ phiếu (tương đương 2.000 VND/cổ phần).

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập biểu
Nguyễn Phương Anh



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Nga



Tổng Giám đốc
Phạm Anh Tuấn

Ngày 26 tháng 2 năm 2018



Hà Nội, ngày 28 tháng 2 năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone ("Công ty") mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Các nguyên nhân dẫn đến biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 so với năm 2016 của Công ty chi tiết như sau:

I. Chênh lệch trên báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	4,352,524,092,876	3,236,098,394,600	1,116,425,698,276	34.50
11	Giá vốn hàng bán	3,085,309,497,515	2,235,528,836,434	849,780,661,081	38.01
20	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	1,267,214,595,361	1,000,569,558,166	266,645,037,195	26.65
21	Doanh thu hoạt động tài chính	54,377,404,040	25,934,028,466	28,443,375,574	109.68
22	Chi phí tài chính	48,814,490,753	70,953,282,040	(22,138,791,287)	(31.20)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	40,596,080,433	50,242,971,449	(9,646,891,016)	(19.20)
25	Chi phí bán hàng	95,648,232,925	76,843,762,966	18,804,469,959	24.47
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	52,199,633,236	59,392,068,796	(7,192,435,560)	(12.11)
30	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1,124,929,642,487	819,314,472,830	305,615,169,657	37.30
31	Thu nhập khác	1,178,903,601	869,766,648	309,136,953	35.54
32	Chi phí khác	1,096,988,069	1,140,985,779	(43,997,710)	(3.86)
40	Lợi nhuận khác	81,915,532	(271,219,131)	353,134,663	(130.20)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,125,011,558,019	819,043,253,699	305,968,304,320	37.36
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	3,233,701,436	139,608,246,117	(136,374,544,681)	(97.68)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,121,777,856,583	679,435,007,582	442,342,849,001	65.10

II. Nguyên nhân biến động

Năm 2017 là năm công ty gặp không ít thách thức do biến động của giá nguyên vật liệu chính và giá cước vận chuyển. Tuy nhiên, công ty đã theo dõi thông tin thị trường và lập kế hoạch nhập khẩu để hạn chế rủi ro về hàng hóa. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh công tác bán hàng cả ở hai thị trường xuất khẩu và nội địa, sản xuất đáp ứng yêu cầu của khách hàng, đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí, rà soát và xác định lại thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập phát sinh từ dự án "Đầu tư mở rộng nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex" (Nhà máy số 2). Chính vì vậy, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh cao hơn nhiều so với năm trước. Biến động cụ thể của các chỉ tiêu trong báo cáo kết quả kinh doanh như sau:

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng 1,116,425,698,276 đồng (34.50%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Doanh thu thành phẩm (bao gồm cung cấp lắp đặt đá ốp lát nhân tạo) tăng 686,555,869,259 đồng (25.31%)

- Doanh thu nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 151,965,649,440 đồng (29.04%)

- Năm 2017 phát sinh doanh thu chuyển nhượng dự án nhà ở cho Công ty Cổ phần tập đoàn phượng hoàng Xanh A&A: 277,904,179,577 đồng.

2. Doanh thu và số lượng hàng bán ra tăng lên nên giá vốn hàng bán cũng tăng tương ứng. Giá vốn hàng bán tăng 849,780,661,081 đồng (38.01%) trong đó:

- Giá vốn thành phẩm (bao gồm cung cấp lắp đặt đá ốp lát nhân tạo) tăng 439,365,432,533 đồng (24.98%)

- Giá vốn nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 139,876,704,066 đồng (27.94%)

3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 266,645,037,195 đồng (26.65%) chủ yếu do:

- Lợi nhuận gộp của thành phẩm tăng 247,190,436,726 đồng (25.92%), tỷ suất lợi nhuận tăng từ 35,15% lên 35,32%. Nguyên nhân do năm 2017 mặc dù giá nguyên vật liệu đầu vào và cước vận chuyển hàng nhập khẩu tăng nhưng Công ty đã lập kế hoạch nhập khẩu phù hợp, áp dụng các biện pháp tiết kiệm chi phí nâng cao năng suất lao động nên giá thành sản phẩm giảm so với năm 2016.

- Lợi nhuận gộp của nguyên vật liệu, phụ tùng tăng 12,088,945,374 đồng (52.97%)

4. Doanh thu tài chính tăng 28,443,375,574 đồng (109.68%) nguyên nhân chủ yếu do:

- Năm 2017, Công ty phát sinh khoản lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế Tác Đá Việt Nam số tiền là: 20,055,746,400 đồng.

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng: 6,906,097,654 đồng (128.72%)

5. Chi phí tài chính giảm 22,138,791,287 đồng (-31.20%) nguyên nhân:

- Chi phí lãi vay giảm 9,646,891,016 đồng (-19.20%) do Công ty đã trả khoản vay dài hạn từ quý II.2017.

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm: 12,553,767,351 đồng (-60.62%)

6. Chi phí bán hàng tăng 18,804,469,959 đồng (24.47%) chủ yếu do chi phí vật liệu đóng hàng, cước vận chuyển, phí THC và các chi phí khác cho hàng xuất bán tăng lên cùng với sự tăng lên của doanh thu. Cụ thể:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 14,197,308,896 đồng (24.41%)
- Chi phí vật liệu bao bì tăng 4,124,923,456 đồng (54.23%)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 7,192,435,560 đồng (-12.11%) chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 5,802,251,347 đồng (-40.18%); chi phí bằng tiền khác giảm 834,212,195 đồng (-7.88%)

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 136,374,544,681 đồng (-97.68%). Lợi nhuận kế toán trước thuế tăng nhưng chi phí thuế TNDN phải nộp giảm, do Công ty đã xác định lại thuế suất thuế TNDN áp dụng cho thu nhập phát sinh từ dự án "Đầu tư mở rộng nhà máy đá ốp lát cao cấp Vinaconex" (Nhà máy số 2).

Như vậy, Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 so với năm 2016 tăng 442,342,849,001 đồng, tương ứng với 65.10%, nguyên nhân chủ yếu là tăng doanh thu thuần, doanh thu tài chính; giảm chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và xác định thuế TNDN của Nhà máy số 2 theo mức thuế suất ưu đãi.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCB
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Anh Tuấn

